

Đức Cơ, ngày 08 tháng 11 năm 2019.

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2019, xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2020

Triển khai Công văn số 2490/STC-QLNS ngày 16/10/2019 của Sở Tài chính về việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2019; xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2020. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo cụ thể như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện thu - chi ngân sách năm 2019:

1. Tình hình thu Ngân sách:

1.1. Những kết quả đạt được :

Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 31/10/2019: 290.885,7 triệu đồng. Trung ương, Tỉnh thu trên địa bàn: 3.676 triệu đồng. Số thu do Huyện đảm nhận thu: 32.324,7 triệu đồng. Gồm: Thu thuế: 18.526,7/22.800,0 triệu đồng, đạt 81,3 % kế hoạch; Thu tiền sử dụng đất: 12.438,0/13.000,0 triệu đồng, đạt 95,6% kế hoạch. Thu khác ngân sách: 1.281,0/1.631,0 triệu đồng, đạt 78,5% kế hoạch.

Nhìn chung hầu hết các khoản thu đều thấp so với kế hoạch năm. Cụ thể như: Thuế GTGT, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Lệ phí trước bạ, phí lệ phí và Tiền thuê mặt đất, mặt nước. Tuy nhiên một số khoản thu đạt kế hoạch như: Thuế thu nhập cá nhân, Thuế tài nguyên, thu khác.

1.2. Những mặt tồn tại, hạn chế :

- Về kinh tế: Do kinh tế - xã hội huyện phát triển chậm, một phần nhu cầu sử dụng phương tiện lưu thông của người dân đã bão hòa, nhu cầu tiêu dùng chậm dẫn đến các khoản thu thuế từ hộ kinh doanh đạt thấp.

- Về công tác quản lý thu:

+ Một doanh nghiệp lớn ở huyện vỡ nợ, mất khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả, trong đó có tiền thuế giá trị gia tăng chưa nộp ngân sách trên 5 tỷ đồng.

+ Các biện pháp cưỡng chế nợ thuế chủ yếu là làm bản cam kết, thu hồi hóa đơn, đình chỉ sử dụng hóa đơn, đề nghị Ngân hàng trích tài khoản tiền gửi của cơ sở kinh doanh để nộp thuế, chưa thực hiện nêu hiệu quả thu nợ thuế chưa cao.

+ Công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế ở các xã vùng sâu, vùng xa chưa kịp thời, còn nhiều khó khăn. Lực lượng công chức còn thiếu, đội thuế quản lý liên xã địa bàn rộng, kiêm nhiệm nhiều công việc nên ảnh hưởng đến công tác quản lý thu.

- + Giá các mặt hàng nông sản giảm thấp làm ảnh hưởng kế hoạch thu trong năm.
- + Các chính sách miễn, giảm, giãn thuế của Nhà nước đã tác động giảm số thu ngân sách nhà nước.
- + Các doanh nghiệp nợ đọng thuế lớn không có khả năng thu được cũng ảnh hưởng lớn đến nguồn thu ngân sách tại địa phương.

Việc phối hợp UBND các xã, thị trấn xử lý các cơ sở kinh doanh nợ thuế còn chưa kịp thời.

2. Tình hình chi Ngân sách:

Tổng chi Ngân sách địa phương đến ngày 31/10/2019 là 305.640,8 triệu đồng. Tổng chi Ngân sách ước thực hiện cả năm 2019 là: 383.648,5 triệu đồng; đạt 104,3% so với kế hoạch. Thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

2.1 Chi đầu tư XDCB:

Tổng vốn được bố trí đầu tư trong năm: 12.900,0 triệu đồng. Đến nay đã giải ngân được 9.799,0 triệu đồng, ước thực hiện cả năm là: 12.900,0 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100,0% kế hoạch được giao.

2.2 Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Tổng vốn được bố trí đầu tư trong năm: 17.000,0 triệu đồng. Đến nay đã giải ngân được 13.400 triệu đồng, ước thực hiện cả năm là: 17.000,0 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100,0% kế hoạch được giao.

2.3 Chi Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: Tổng kinh phí tỉnh bố trí năm 2019 là 191.113,1 triệu đồng, tất cả các khoản kinh phí này đã phân bổ hết cho các đơn vị sử dụng ngân sách, đến nay đã giải ngân 161.959,8 triệu đồng.

Nhìn chung tình hình chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo gặp nhiều khó khăn do các khoản phải trả không được giao bổ sung nhưng chịu ảnh hưởng của tiền tăng tiết, tăng buỗi, hợp đồng do thiếu giáo viên; kinh phí chi trả do nâng bậc lương thường xuyên, nâng thâm niên hằng năm. Điều này dẫn đến kinh phí chi khác cho sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo là rất thấp, không có kinh phí để trang bị cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học của ngành, ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng giảng dạy.

Đến nay trên địa bàn huyện đã thực hiện chi trả chế độ đối với giáo viên đến hết tháng 10/2019, chi hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; Kinh phí cho trẻ em 3, 4, 5 tuổi; Kinh phí cho giáo viên mầm non ngoài công lập; Cấp bù miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP; Kinh phí thực hiện chi trả học bổng và mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDT-BLĐTBXH-BTC ...

2.4 Chi Sự nghiệp Y tế, KHCN, Môi trường và các lĩnh vực khác:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Ước thực hiện năm 2019 là: 17.005,0 triệu đồng đạt 105,4% kế hoạch HĐND huyện giao, tăng do bổ sung cải cách tiền lương.
- Chi sự nghiệp y tế, KHHGĐ: Ước thực hiện năm 2019 là: 0 triệu đồng, do chuyển sự nghiệp Y tế về tỉnh,

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ : Ước thực hiện năm 2019 là: 350 triệu đồng đạt 100% kế hoạch HĐND huyện giao.
- Chi sự nghiệp môi trường: Ước thực hiện năm 2019 là: 3.522 triệu đồng đạt 100,0% kế hoạch HĐND huyện giao.
- Chi sự nghiệp VHTT, TDTT, Phát thanh truyền hình và sự nghiệp khác: không có biến động nhiều so với dự toán đầu năm, chỉ tăng mức lương cơ bản.
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: Ước thực hiện năm 2019 là: 10.625,7 triệu đồng. Nguyên nhân tăng so với dự toán đầu năm do tỉnh bổ sung trong năm 2019 tiền mai táng phí cựu chiến binh và tăng các khoản chế độ cho đối tượng chính sách và các chế độ còn thiếu năm 2019.
- Chi QLNN (QLNN, khối Đảng, khối Đoàn thể): Ước thực hiện năm 2019 là: 34.085,0 triệu đồng. Nguyên nhân tăng do tăng lương cơ bản.

2.5 Chi từ các nguồn tinh bột sung có mục tiêu: Đến nay huyện đã nhận bột sung có mục tiêu (ngoài số giao đầu năm) chủ yếu là bột sung chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chế độ chính sách đã chi trả kịp thời cho các đối tượng thụ hưởng.

2.6 Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách:

Nguồn dự phòng ngân sách: Bố trí đầu năm là 7.270,0 triệu đồng, trong đó ngân sách huyện 6.297,9 triệu đồng. Đến nay đã sử dụng 3.265,6 triệu đồng. Nội dung chi chủ yếu là bột sung kinh phí an ninh, quốc phòng; Chi hỗ trợ, khắc phục hậu quả thiên tai; chi các khoản phát sinh ngoài dự toán khác.

II. Tình hình thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

1. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước:

Các ban, ngành huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện tốt theo cơ chế quản lý tài chính, qui định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

* Thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP: có 19/19 đơn vị hành chính thực hiện. Các đơn vị thực hiện chế độ tự chủ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công trong việc quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên, nhằm tiết kiệm chi hành chính để có tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức, trên cơ sở về định mức, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành. Mức thu nhập bình quân của mỗi người/tháng do tiết kiệm được của các cơ quan hành chính trong năm 2018: 500.000 đồng.

* Thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP: có 48/48 đơn vị thực hiện. Mức thu nhập bình quân của mỗi người/tháng do tiết kiệm được của các đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2018: 300.000 đồng.

Thực hiện tiết kiệm 10% hoạt động chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương với số tiền 5.238.200.000 đồng.

2. Về mua sắm tài sản, quản lý, sử dụng tài sản công:

Căn cứ Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thuyền xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết số 87/2018/HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định mua sắm tài sản nhà nước có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên trên một gói mua sắm từ nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, đúng tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm tài sản nhà nước có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một gói mua sắm từ nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, đúng tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

Kết quả trong năm 2018, đã thẩm định 05 hồ sơ của 05 đơn vị. Trong đó, tổng dự toán đề nghị thẩm định 3.546,278 triệu đồng; tổng dự toán phê duyệt 2.925,938 triệu đồng; tiết kiệm 620,340 triệu đồng.

3. Về thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện: Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai đến các ban, ngành, đoàn thể huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn việc sử dụng điện tại cơ quan, đơn vị; thực hiện tốt việc tắt tất cả các thiết bị dùng điện không cần thiết khi ra khỏi phòng và hết giờ làm việc, hạn chế không để thiết bị sử dụng điện trong trạng thái chờ. Điện lực Đức Cơ phối hợp với các trường học thực hiện tuyên truyền các biện pháp tiết kiệm điện cho giáo viên và học sinh.

4. Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản:

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng tập trung, sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các công trình, có trọng tâm trọng điểm không đầu tư dàn trải, theo đúng quy định của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ; Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 và Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

Thực hiện chống lãng phí trong đầu tư xây dựng là nội dung trọng tâm, UBND huyện chỉ đạo các đơn vị được giao vốn thực hiện và các chủ đầu tư phải thực hiện đúng quy trình, quy chế quản lý đầu tư hiện hành của Nhà nước, thực hiện đầu tư có tập trung, không dàn trải để bảo đảm yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Về thẩm định quyết toán dự án hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản: Tổng số hồ sơ thẩm định là 29 hồ sơ, tổng kinh phí đề nghị thẩm định 90.662 triệu đồng; giá trị quyết toán 90.332 triệu đồng, chênh lệch giảm 330 triệu đồng.

5. Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Thực hiện theo Quyết định số 50/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc,

thiết bị cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập. Ủy ban nhân dân huyện luôn chỉ đạo, kiểm tra các ban, ngành, đoàn thể, xã, thị trấn thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng trụ sở làm việc. Đồng thời, bảo vệ tốt các công trình phúc lợi công trên địa bàn huyện.

6. Đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động:

- Đầu năm, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ngành liên quan lập quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức đúng đối tượng, đúng nghiệp vụ, chuyên môn để từng bước thực hiện có hiệu quả tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức.

- Triển khai đến các ban, ngành, đoàn thể huyện và xã, thị trấn thực hiện tốt việc sử dụng, quản lý công chức viên chức; việc chấp hành giờ giấc làm việc, bảo đảm về chất lượng công việc, không vi phạm các quy định của Nhà nước. Đồng thời xây dựng và thực hiện tốt nội quy, quy chế về kỷ luật lao động, giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan; phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng cán bộ, công chức; tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nhận thức chính trị, kiến thức quản lý để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

7. Về thực hiện các quy định về công khai trong các lĩnh vực:

- Thực hiện tốt trong công tác công khai tài chính của từng đơn vị trên địa bàn như công khai mua sắm, sử dụng trang thiết bị làm việc phương tiện đi lại, công khai quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng và các tài sản khác trong cơ quan, đơn vị theo quy định tại Quyết định 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành qui chế công khai đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính công khai tài chính đối với các cấp ngân sách; Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/3/2005 của Bộ Tài chính công khai tài chính đối với vốn đầu tư xây dựng cơ bản; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

- Thực hiện tốt công khai các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đăng ký kinh doanh, nhà đất,... tại địa phương. Đồng thời, công khai Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BCT-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; và Pháp lệnh 34/2007/PL ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường đúng theo quy định về nội dung, hình thức và thời gian công khai.

III. Công tác phòng, chống tham nhũng:

1. Công khai các nguồn kinh phí và việc mua sắm tài sản công, quy hoạch cán bộ, bồi dưỡng, đào tạo. Cụ thể các nội dung như sau:

1.1 Về công tác cán bộ: Trong công tác cán bộ, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Nội vụ huyện thực hiện công khai, minh bạch gồm: công khai giao chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, Công khai điều chỉnh giảm, bổ sung chỉ tiêu biên chế; Công khai việc giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế hành chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Văn bản thực hiện:

- Quyết định 152/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức cho các cơ quan hành chính của UBND huyện năm 2019
- Quyết định 161/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 về việc giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp.
- Quyết định 99/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 về việc điều chỉnh giảm, bổ sung biên chế.
- Quyết định 875/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 về việc giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế tài chính đối với sự nghiệp công lập.

1.2 Công khai lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước: Thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2007, năm 2012; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn hiện hành về thực hiện công khai tài chính, ngân sách nhà nước. UBND huyện đã thực hiện công khai tài chính, ngân sách của huyện và chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thực hiện công khai lĩnh vực tài chính, ngân sách của đơn vị mình bằng các hình thức theo quy định của pháp luật như công khai dự toán ngân sách năm 2019, công bố các danh mục và mức vốn phân bổ dự án....

1.3 Công khai lĩnh vực đất đai, tài nguyên: UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên & môi trường huyện tham mưu UBND huyện thực hiện công khai, minh bạch lĩnh vực đất đai, tài nguyên của huyện bao gồm: Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản; công khai kế hoạch, kết quả thu hồi, bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

1.4 Công khai lĩnh vực đầu tư, mua sắm công: UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn là chủ đầu tư các dự án thực hiện nghiêm túc việc công khai lĩnh vực đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2013; thực hiện công khai việc mua sắm tài sản công thuộc thẩm quyền mua sắm của các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn bằng các hình thức theo quy định của pháp luật. Đối với mua sắm tài sản công có giá trị lớn hơn 100 triệu đồng, giao Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện tham mưu UBND huyện công khai việc mua sắm theo quy định.

1.5 Công khai lĩnh vực giáo dục: Đã chỉ đạo Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện tham mưu UBND huyện thực hiện công khai, minh bạch lĩnh vực giáo

dục theo quy định của pháp luật¹; Thực hiện các nội dung của Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

Thực hiện Chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện, các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã thực hiện việc xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ làm cơ sở để áp dụng các chế độ định mức, tiêu chuẩn trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, tài sản công theo quy định hiện hành, tránh tình trạng tham nhũng, lãng phí.

Thực hiện có hiệu quả theo Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND huyện Đức Cơ về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

3. Việc cán bộ, công chức nộp lại quà tặng:

Thực hiện Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức, trong dịp Tết Kỷ Hợi năm 2019, chưa phát hiện trường hợp nào vi phạm quy định nói trên.

Văn bản thực hiện: Báo cáo số 64/BC-UBND ngày 12/2/2019 về việc sử dụng tài sản công, tặng quà và nhận quà không đúng quy định trong dịp tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019

4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

Thực hiện các quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của CBCC, VC gắn với xây dựng nền văn hóa công sở theo đúng Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ; Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 18/10/2003 của UBND huyện về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Đức Cơ; gắn với việc thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế của cơ quan, quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, không gây phiền hà trong thực thi công vụ.

5. Về chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức:

Thực hiện Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ về quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2007/NĐ-CP, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết

¹ Công khai điều kiện tuyển sinh, điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ; công khai các khoản thu, mức thu cơ sở, vật chất; công khai thực hiện cam kết chất lượng đào tạo bằng các hình thức công khai theo quy định của pháp luật và công khai trên Trang thông tin điện tử của huyện

một số điều về Luật Phòng Chống tham nhũng. Trong năm 2019 UBND huyện đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 05 viên chức kế toán trường học và 8 công chức cấp xã phụ trách địa chính xây dựng, cụ thể như sau:

- Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trên địa bàn huyện Đức Cơ năm 2019.

- Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ về việc phê duyệt phương án chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của chính phủ trên địa bàn huyện Đức Cơ năm 2019. Cụ thể:

+ Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 về việc điều động công tác đối với bà Lê Hồng Khánh Hạ.

+ Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 về việc điều động công tác đối với bà Nguyễn Thị Hoài Thu.

+ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 về việc điều động công tác đối với bà Phùng Thị Bắc.

+ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 về việc điều động công tác đối với bà Lữ Thị Mai.

+ Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 06/03/2019 về việc điều động công tác đối với bà Nguyễn Thị Thảo.

- Quyết định số 1384 /QĐ-UBND ngày 20/08/2019 về việc phê duyệt phương án chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ trên địa bàn huyện Đức Cơ năm 2019. Cụ thể:

+ Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 về việc điều động công tác đối với ông Trần Văn Hải.

+ Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 về việc điều động công tác đối với ông Rơ Lan Thuyên.

+ Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 về việc điều động công tác đối với ông Siu Murnh.

+ Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 về việc điều động công tác đối với ông Lê Ngọc Thúc.

. + Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 về việc điều động công tác đối với ông Đỗ Văn Triều

+ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 về việc điều động công tác đối với ông Trịnh Hữu Tùng.

+ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 về việc điều động công tác đối với ông Nguyễn Văn Thân.

+ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 về việc điều động công tác đối với ông Rơ Châm Săn.

6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập:

Các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định tại Nghị định 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập và Thông tư 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập và Chỉ thị 33-CT/TW ngày 03/01/2013 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Có 427 người/84 cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện kê khai tài sản thu nhập, đảm bảo 100% hoàn thành việc kê khai theo quy định; tổ chức thực hiện đúng quy trình, quy định về kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập theo Báo cáo 123/BC-UBND ngày 11/3/2019 của UBND huyện về kết quả minh bạch, tài sản, thu nhập năm 2018.

7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do đơn vị mình quản lý, phụ trách:

Trong năm 2019, trên địa bàn huyện không có trường hợp nào người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng.

8. Về việc thực hiện cải cách hành chính:

Thực hiện Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 của tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 3391/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 của huyện Đức Cơ, trong đó tập trung vào các mục tiêu: Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hiệu quả cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm tính công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; Tiếp tục hoàn thiện cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện theo quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ. Triển khai có hiệu quả mô hình một cửa điện tử tại Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn. Tập trung đào tạo, sắp xếp và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh; đảm bảo cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính. Một số văn bản thực hiện cụ thể như sau:

- Quyết định 3391/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019.
- Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019.
- Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 24/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2019.
- Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 24/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019.

- Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 28/12/2018 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019.

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 28/12/2018 về việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- UBND huyện ban hành Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính. Theo đó, tiến hành kiểm tra tại UBND các xã, thị trấn và phòng chuyên môn thuộc huyện. Qua kiểm tra, công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, việc triển khai thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm; hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trễ hẹn đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ thông tin như: xử lý hồ sơ trên hệ thống một cửa điện tử, tiếp nhận và trả kết quả qua công dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích, sử dụng mail công vụ, hệ thống quản lý văn bản điều hành, chữ ký số... còn chưa được đảm bảo triển khai đến 100% các cơ quan, đơn vị. UBND huyện đã có văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh khắc phục đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin đến 100% các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính và thực thi công vụ.

9. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng:

9.1 Phát hiện các hành vi tham nhũng:

a) Qua công tác tự kiểm tra nội bộ:

Ủy ban nhân dân chỉ đạo các phòng ban, ban đơn vị, các xã, thị trấn tổ chức công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong năm 2019, qua công tác tự kiểm tra các phòng ban, ban đơn vị, các xã, thị trấn không phát hiện hành vi tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức.

b) Qua công tác thanh tra: Trong năm 2019, qua thanh tra chưa phát hiện cơ quan, đơn vị nào có dấu hiệu tham nhũng.

c) Qua công tác giải quyết tố cáo tham nhũng: Trong năm 2019, trên địa bàn huyện không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hành vi tham nhũng.

d) Qua hoạt động giám sát: Trong năm 2019 chưa phát hiện vụ việc tham nhũng nào thông qua hoạt động giám sát.

e) Kết quả điều tra, truy tố và xét xử các vụ án có dấu hiệu tham nhũng: Trong năm 2019 trên địa bàn huyện không có vụ án nào liên quan đến tham nhũng.

9.2. Xử lý các hành vi tham nhũng

a) Xử lý hành chính:

Trong năm 2019, trên địa bàn huyện không xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng.

b) Xử lý hình sự:

Trong năm 2019 trên địa bàn huyện không có xử lý hình sự về hành vi tham nhũng.

c) Thu hồi tài sản tham nhũng:

Trong năm 2019 không có thu hồi tài sản, tiền liên quan đến tham nhũng

IV. Tình hình thực hiện các kết luận của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước:

1. Kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán năm 2017 trở về trước:

Đối với kiến nghị Kiểm toán từ năm 2017 trễ về trước huyện đã khắc phục xong.

Căn cứ Báo cáo kết quả kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Gia Lai số 642/KTNN-TH ngày 26/11/2018 của Kiểm toán Nhà nước khu vực XII, và Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước về Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Gia Lai.

Năm 2017 huyện Đức Cơ không Kiểm toán trực tiếp: Tuy nhiên khi Kiểm toán tại Sở Tài chính có 03 nội dung Kiểm toán đề nghị đã thực hiện xong:

1.1. Kiến nghị giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau:

1.1.1 Kinh phí thực hiện một số Chương trình MTQG còn tồn đã hết nhiệm vụ chi nhưng địa phương chưa thực hiện nộp trả NSTW.

- Chương trình MTQG Nông thôn mới:

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, số tiền: 9.400.000 đồng

1.2.1 Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ còn tồn và đã hết nhiệm vụ chi trong năm 2017.

- Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí, số tiền: 252.900.000 đồng: Huyện đã nộp trả ngân sách tỉnh.

1.2. Cân đối thừa nhu cầu và nguồn thực hiện CCTL năm 2017, số tiền 659.600.000 đồng: Đã trừ khi thẩm định tiền lương với huyện

1.3. Tỉnh cân đối thừa đầu thời kỳ ổn định: 9.640 triệu đồng:

Đã giảm bổ sung cân đối ngân sách huyện năm 2019: 7.230 triệu đồng

Tiếp tục thực hiện giảm cân đối ngân sách huyện năm 2020: 2.140 triệu đồng

2. Một số kiến nghị của kiểm toán năm 2018 cần phải thực hiện khắc phục:

2.1. Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai chế độ: 109.450.000 đồng:

a. Chi thường xuyên:

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện: 8.831.000 đồng (Gói thầu tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng của công trình Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty đến năm 2035).

b. Đầu tư phát triển:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện: 100.619.000 đồng, bao gồm: Đường Trường Chinh: 43.181.000 đồng; Nhà thi đấu đa năng huyện Đức Cơ: 35.892.000 đồng; Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi IaNan (làng Tung Ia sáp): 21.446.000 đồng.

2.2. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau:

2.2.1 Chi thường xuyên:

a. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:

- Ngân sách tỉnh giảm trừ dự toán: 660.000.000 đồng kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Sở Tài chính còn xác định thiếu số tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2017 để Tạo nguồn CCTL tại huyện nên cấp thừa kinh phí với số tiền 660,0 trđ).

- Ngân sách huyện giảm trừ dự toán: 841.250.000 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí cải cách tiền lương: 677.150.000 đồng (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện còn xác định thiếu nguồn CCTL của 08/10 xã, thị trấn với số tiền 677,2 trđ (Thị trấn Chư Ty 312,3 trđ; xã Ia Dom 9,5 trđ; xã Ia Kla 25,2 trđ; xã Ia Krêl 149,7 trđ; xã Ia Din 74,4 trđ; xã Ia Nan 38,8 trđ; xã Ia Lang 41,7 trđ; xã Ia Dok 25,6 trđ), do còn tính bù thêm số 50% giảm thu cân đối ngân sách thực hiện năm 2017/dự toán UBND huyện giao năm 2017).

+ Nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp huyện năm 2018: 164.100.000 đồng (UBND huyện giao thừa quỹ lương cho các đơn vị 164,1 trđ (Phòng Tài nguyên & Môi trường 100,1 trđ; Văn phòng HĐND-UBND 64,0 trđ).

b. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện: 21.500.000 đồng:

Ngân sách huyện giảm trừ dự toán: 21.500.000 đồng nguồn dự toán chi thường xuyên được giao năm 2018 (Sử dụng kinh phí hoạt động chung của ngành để chi hỗ trợ các trường học tổ chức sơ kết học kỳ I năm học 2017 - 2018 với số tiền 21,5 trđ; trong khi nội dung chi này đã được đảm bảo trong định mức chi thường xuyên dự toán giao đầu năm)

2.2. Đầu tư phát triển:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện: 288.077.000 đồng

+ Nhà thi đấu đa năng huyện Đức Cơ: 68.868.000 đồng (Giảm trừ các chi phí tư vấn, chi phí khác không thực hiện).

+ Đầu tư xây dựng các xã biên giới huyện Đức Cơ: 219.209.000 đồng (Giảm trừ chi phí xây dựng do tính toán sai khối lượng và tính toán lại chi phí tư vấn và chi phí khác).

3. Thu hồi kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi nộp trả NS cấp trên, 134.000.000 đồng: (Kinh phí hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS sinh con đúng chính sách dân số còn tồn và đã hết nhiệm vụ chi, nhưng Huyện chưa thực hiện nộp trả ngân sách cấp tỉnh).

4. Kiến nghị xử lý tài chính khác: 4.619.261.000 đồng (Đường Trường Chinh: 626.475.000 đồng, Nhà thi đấu đa năng huyện Đức Cơ: 211.513.000 đồng; Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi IaNan (làng Tung Iasáp): 559.311.000 đồng, Đầu tư xây dựng các xã biên giới huyện Đức Cơ: 3.221.962.000 đồng.

5. Kiến nghị tăng thu NSNN năm 2018: 2.277.035.000 đồng.

a. Thuế GTGT:

Công ty TNHH Cơ khí xây dựng Đức Cơ: 1.942.303.000 đồng.

b. Giảm thuế GTGT được khấu trừ:

Công ty TNHH Cơ khí xây dựng Đức Cơ: 308.816.000 đồng; DNTN Xuân Vấn: 25.916.000 đồng.

6. Kiến nghị khác:

- Sử dụng nguồn chi thường xuyên để xây mới các công trình chưa phù hợp quy định tại Điều 1 Thông tư 92/2017/TT-BTC, đề nghị HĐND tỉnh, huyện có ý kiến khi phê chuẩn quyết toán ngân sách cùng cấp: 245.694.000 đồng.

→ Các kiến nghị của kiểm toán năm 2018, sau khi có Kết luận chính thức, Ủy ban nhân dân huyện sẽ tiến hành khắc phục.

V. Tình hình quyết toán dự án hoàn thành:

1. Về tình hình thực hiện quyết toán dự án hoàn thành năm 2018:

Thực hiện Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của bộ tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, tình hình công tác quyết toán dự án hoàn thành của huyện Đức Cơ như sau:

- Dự án đã phê duyệt quyết toán trong kỳ báo cáo:

+ Số dự án đã phê duyệt quyết toán: 34 dự án

+ Tổng mức đầu tư: 72.382 triệu đồng

+ Giá trị đề nghị quyết toán: 64.330 triệu đồng

+ Giá trị quyết toán được duyệt: 64.301 triệu đồng

+ Chênh lệch 37,96 triệu đồng so với giá trị đề nghị quyết toán.

- Số dự án chưa phê duyệt quyết toán: 09 dự án.

(*Tổng mức đầu tư: 8.404 triệu đồng; Tổng kinh phí đề nghị quyết toán: 7.683 triệu đồng*)

- Số Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán (chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng) 12 dự án

(*Tổng mức đầu tư 11.621 triệu đồng*)

2. Về tình hình thực hiện giải ngân của các dự án đến ngày 31/10/2019

- Tổng kế hoạch vốn năm 2019 64.622 triệu đồng

- Khối lượng thực hiện từ 1/1/2019 đến 31/10/2019 44.767 triệu đồng

(*Đạt 69,28% so với kế hoạch vốn*)

- Giải ngân thực hiện từ 1/1/2019 đến 31/10/2019 47.83 triệu đồng

(*Đạt 74,7% so với kế hoạch vốn*)

VI. Xây dựng dự toán năm 2020.

1. Về dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2020: (Theo biểu đính kèm)

- Tổng thu ngân sách năm 2020: 365.824.000.000 đồng

Trong đó:	+ Tỉnh thu trên địa bàn:	3.930.000.000 đồng
	+ Phân huyện thu:	36.640.000.000 đồng
	+ Thu trợ cấp tinh bô sung:	325.254.000.000 đồng

Thuế thu: 34.850 triệu đồng. Trong đó: Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh 11.900 triệu đồng (thuế giá trị gia tăng 10.400 triệu đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp 1.100 triệu đồng, thuế tiêu thụ đặc biệt 300 triệu đồng, thuế tài nguyên 100 triệu đồng,), thuế thu nhập cá nhân 5.600 triệu đồng, lệ phí trước bạ 6.050 triệu đồng, phí và lệ phí 1.100 triệu đồng, Tiền thuê mặt đất, mặt nước 200 triệu đồng, tiền sử dụng đất 10.000 triệu đồng.

Thu khác ngân sách: 1.500 triệu đồng. Trong đó: Thu phạt, thu khác các loại: 1.640 triệu đồng; Thu phạt ATGT: 150 triệu đồng.

Hầu hết các khoản thu bằng hoặc cao hơn thực hiện năm trước là phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế hàng năm.

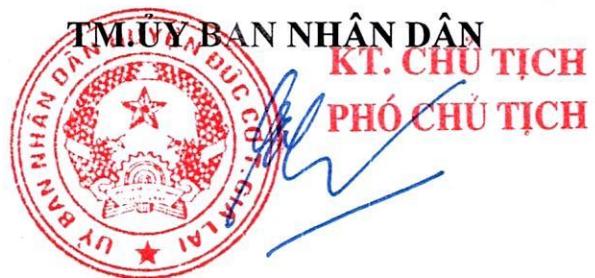
2. Về dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020: (Theo biểu đính kèm)

- Tổng chi ngân sách năm 2020:	365.047.000.000 đồng
Trong đó:	
+ Phân chi đầu tư:	25.900.000.000 đồng
+ Chi thường xuyên :	302.469.000.000 đồng
+ Chi dự phòng ngân sách:	6.300.000.000 đồng
+ Chi bô sung có mục tiêu:	30.378.000.000 đồng

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ báo cáo để Sở Tài chính tổng hợp./. *Dg*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo UBND huyện-VP;
- Phòng Tài chính - KH;
- Lưu VT- VP.



Trần Ngọc Phận

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 743/BC-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của UBND huyện Đức Cơ)

A- PHẦN THU

ĐVT: Triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN NĂM 2019		Tỷ lệ % KH 2019/ Uớc thực hiện 2019	DỰ TOÁN 2020	Tỷ lệ % DT 2020/ Uớc TH 2019
			Lũy kế đến 31/10/2019	Uớc cả năm 2019			
A-	THU CÂN ĐỐI NS ĐP	51.361,0	36.000,7	42.450,0	102,7	40.570,0	95,3
I/	Trung ương, Tỉnh thu	13.930,0	3.676,0	3.990,0	28,6	3.930,0	98,5
-	Thuế Giá trị Gia tăng	200,0	130,0	150,0	75,0	-	-
-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	-	-
-	Thu tiền bán cây đứng	-	-	-	-	-	-
-	Thu khác ngân sách	50,0	36,0	40,0	80,0	50,0	125,0
-	Phí lệ phí khác	650,0	430,0	400,0	61,5	700,0	175,0
-	Thu tiền thuê đất	1.500,0	810,0	1.000,0	66,7	1.500,0	150,0
-	Thu tiền sử dụng đất	10.000,0	994,0	1.000,0	10,0	-	-
-	Thu phạt ATGT do CA huyện thu	1.530,0	1.276,0	1.400,0	91,5	1.680,0	120,0
II/	HUYỆN THU	37.431,0	32.324,7	38.460,0	102,7	36.640,0	95,3
1	THU THUẾ	22.800,0	18.526,7	22.060,0	96,8	24.850,0	112,6
1.1	Thu từ khu vực CTN ngoài QD	10.600,0	8.939,7	10.450,0	98,6	11.900,0	113,9
a.	Thu từ các DN ngoài QD	5.650,0	5.232,2	5.695,0	100,8	6.300,0	110,6
	Thuế Giá trị gia tăng	4.340,0	4.215,2	4.500,0	103,7	5.000,0	111,1
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.100,0	780,0	920,0	83,6	1.100,0	119,6
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	60,0	151,0	160,0	266,7	130,0	81,3
	Thuế Tài nguyên	80,0	38,0	45,0	56,3	70,0	155,6
	Thu khác	70,0	48,0	70,0	100,0	-	-
b.	Thu từ Hộ kinh doanh	4.950,0	3.707,5	4.755,0	96,1	5.600,0	117,8
	Thuế Giá trị gia tăng	4.710,0	3.492,5	4.500,0	95,5	5.400,0	120,0
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	80,0	89,0	90,0	112,5	170,0	188,9
	Thuế Tài nguyên	30,0	31,0	35,0	116,7	30,0	85,7
	Thu khác	130,0	95,0	130,0	100,0	-	-
1.2	Lệ Phí Trước Bạ	4.700,0	4.260,0	5.100,0	108,5	6.050,0	118,6
	Trước bạ Nhà đất	735,0	645,0	900,0	122,4	1.400,0	155,6



SỐ TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN NĂM 2019		Tỷ lệ % KH 2019/ Uớc thực hiện 2019	DỰ TOÁN 2020	Tỷ lệ % DT 2020/ Uớc TH 2019
			Lũy kế đến 31/10/2019	Uớc cả năm 2019			
	Trước bạ tài sản khác	3.965,0	3.615,0	4.200,0	105,9	4.650,0	110,7
1.3	Phí, lệ Phí	1.000,0	1.069,0	1.200,0	120,0	1.100,0	91,7
	Phí Môn bài	539,0	560,0	700,0	129,9	700,0	100,0
	Phí, lệ phí huyện thu	120,0	142,0	150,0	125,0	100,0	66,7
	Phí, lệ phí xã thu	341,0	367,0	350,0	102,6	300,0	85,7
1.4	Thuế Nhà đất						
1.5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
1.4	Thuế thu nhập cá nhân	6.300,0	3.956,0	5.000,0	79,4	5.600,0	112,0
1.5	Tiền thuê mặt nước, thuê khác	200,0	302,0	310,0	151,0	200,0	64,5
2	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	13.000,0	12.438,0	15.000,0	115,4	10.000,0	66,7
3	THU KHÁC NGÂN SÁCH	1.631,0	1.360,0	1.400,0	85,8	1.790,0	127,9
	Thu phạt, thu khác các loại	1.631,0	1.360,0	1.400,0	85,8	1.790,0	127,9
	Trong đó : Xã, Thị trấn thu	640,0	359,0	480,0	75,0	640,0	133,3
	+ Thu phạt ATGT	140,0	150,0	160,0	114,3	150,0	93,8
V	THU NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN		-	-			
B-	THU TRỢ CẤP	318.918,0	254.885,0	333.931,0	104,7	325.254,0	97,4
	- Cân đối	280.339,0	224.025,0	278.931,0	99,5	294.876,0	105,7
	- Có mục tiêu	38.579,0	30.860,0	55.000,0	142,6	30.378,0	55,2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	370.279,0	290.885,7	376.381,0	104,5	365.824,0	97,2



B- PHẦN CHI

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO	Thực hiện đến 31/10/2019	Ước thực hiện năm 2019	SO SÁNH		DVT: Triệu đồng
					% UỚC TH 2019/DT 2019	Dự toán năm 2020	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	406.127,0	339.094,4	419.305,5	103,2	365.047,0	87,1
A	CHI CÂN ĐÓI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	367.979,0	305.640,4	383.648,5	104,3	334.669,0	87,2
I-	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	29.900,0	22.856,0	29.900,0	100,0	25.900,0	86,6
1	Xây dựng cơ bản tập trung tập trung	12.900,0	9.456,0	12.900,0	100,0	12.900,0	100,0
2	Nguồn cấp quyền sử dụng đất	17.000,0	13.400,0	17.000,0	100,0	13.000,0	76,5
II-	CHI THƯỜNG XUYÊN	330.809,0	279.518,8	347.450,6	105,0	302.469,0	87,1
1.	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách						
2.	Chi Sư nghiệp kinh tế	16.135,0	12.721,0	17.005,0	105,4	16.049,0	94,4
	Trong đó: - Chi SN Nông lâm Thuỷ lợi	2.304,0	1.971,0	2.304,0	100,0	2.304,0	100,0
	- Chi SN giao thông	3.500,0	2.236,0	3.500,0	100,0	3.500,0	100,0
	- Chi SN kiến thiết thị chính	2.900,0	2.016,0	2.900,0	100,0	2.500,0	86,2
	- Chi SN khuyến nông	1.086,0	1.516,0	1.956,0	180,1	1.900,0	97,1
	- Chi chính trang đô thị	6.000,0	4.797,0	6.000,0	100,0	5.500,0	91,7
	- Chi sự nghiệp khác	345,0	185,0	345,0	100,0	345,0	100,0
3.	Chi Sư nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	191.113,1	161.959,8	195.650,0	102,4	171.917,0	87,9
	- Chi sự nghiệp Giáo dục	184.004,0	155.672,8	188.450,0	102,4	166.317,0	88,3
	- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	7.109,1	6.287,0	7.200,0	101,3	5.600,0	77,8
4.	Chi Sư nghiệp Y tế	2.760,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
5.	Chi Sư nghiệp khoa học, công nghệ	350,0	50,0	350,0	100,0	350,0	100,0
6.	Chi Sư nghiệp môi trường	3.522,0	1.960,0	3.522,0	100,0	4.212,0	119,6
7.	Chi Sư nghiệp văn hoá - thông tin	1.907,9	1.715,0	2.105,0	110,3	2.050,0	97,4
8.	Chi Sư nghiệp phát thanh - truyền hình	1.434,9	1.400,0	1.545,0	107,7	1.450,0	93,9
9.	Chi Sư nghiệp thể dục - thể thao	532,1	520,0	589,0	110,7	650,0	110,4
10.	Chi Đàm bảo xã hội	10.625,7	7.854,0	10.625,7	100,0	10.625,7	100,0
11.	Chi Quản lý hành chính	31.681,6	27.056,0	34.085,0	107,6	30.675,4	90,0
	- Chi Quản lý Nhà nước	17.104,2	14.556,0	18.425,0	107,7	17.104,2	92,8
	- Chi hoạt động của cơ quan Đảng	9.178,7	7.400,0	9.874,0	107,6	7.856,2	79,6
	- Chi hoạt động của Mặt trận, đoàn thể	5.398,7	5.100,0	5.786,0	107,2	5.715,0	98,8



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO	Thực hiện đến 31/10/2019	Uớc thực hiện năm 2019	SO SÁNH % UỚC TH 2019/DT 2019	Dự toán năm 2020	SO SÁNH % DT 2020/ Uớc TH 2019
12.	Chi An ninh Quốc phòng địa phương	8.334,0	7.171,0	8.494,0	101,9	8.493,0	100,0
	- Chi giữ gìn an ninh và trật tự AT XH	1.371,0	1.371,0	1.371,0	100,0	1.370,0	99,9
	- Chi Quốc phòng địa phương	6.963,0	5.800,0	7.123,0	102,3	7.123,0	100,0
13.	Chi Ngân sách xã	55.477,5	51.428,0	66.545,0	119,9	54.799,1	82,3
14.	Chi khác Ngân sách	6.934,9	5.684,0	6.934,9	100,0	1.197,8	17,3
III	DỰ PHÒNG	7.270,0	3.265,6	6.297,9	86,6	6.300,0	100,0
B.	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	38.148,0	33.454,0	35.657,0	93,5	30.378,0	85,2